



SOME BRIEF OF THE "TINH TAU" OF TAY ETHNIC IN THE TUYEN QUANG

Nguyen Thi Thanh Thao^{1,*}

¹ Tan Trao University, Vietnam

* Email address: thanhthaotht@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/481>

Article info

Received:

17/11/2020

Accepted:

22/02/2021

Keywords:

Culture; Tay people, community, beliefs, tinh tau, Then the arts, artist...

Abstract

The Tay Tuyen Quang people originated from the Bach Viet ethnic group that migrated from the Mac dynasty. The Tay Tuyen Quang's population accounts for over 26.2% of the total population of the province. It resides in valleys, low mountains, basins, adapted to living conditions of wet rice farming and livestock. Despite many changes, the Tày people still retain their traditional culture through housing, language, writing, community cultural activities, especially their beliefs.

Tinh tau has long been closely associated with the Tay people's Then rituals and is considered as a sacred symbol in their spiritual life. The story of the birth, the sacredness and power of the Then rituals keep passing from one generation to the next. Tinh tau has gradually assumed its presence as a sacred object in the Tay people's religious life. At present-day Tuyen Quang, Then's artisan Tinh tau specializes in singing Then, accounting for a large number compared with Then's ceremonial chimpanzee. They are mainly gifted musicians who love to sing Then - Tinh tau, and have grown up in the local cultural movement.



ĐÔI NÉT VỀ TÍNH TẮU CỦA NGƯỜI TÀY TUYÊN QUANG

Nguyễn Thị Thanh Thảo^{1,*}

¹Trường Đại học Tân Trào, Việt Nam

*Địa chỉ email: thanhthaodhtt@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/481>

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

17/11/2020

Ngày duyệt đăng:

22/02/2021

Từ khóa:

Văn hóa, người Tày, cộng đồng, tín ngưỡng, tính tẩu, Then văn nghệ, Nghệ nhân...

Tóm tắt

Người Tày Tuyên Quang có nguồn gốc là tộc người Bách Việt di cư từ thời nhà Mạc. Người Tày Tuyên Quang chiếm trên 26,2% tổng dân số trong toàn tỉnh, cư trú tập trung ở ven các thung lũng, triền núi thấp, lòng chảo, thích nghi với điều kiện sinh hoạt nông nghiệp lúa nước và chăn nuôi. Mặc dù có nhiều thay đổi nhưng người Tày vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống qua nhà ở, ngôn ngữ, chữ viết, sinh hoạt văn hóa văn nghệ cộng đồng, đặc biệt là tín ngưỡng của họ. Tính tẩu từ xa xưa đã gắn bó rất chặt chẽ với các nghi lễ Then của người Tày và được coi như đó là một biểu tượng linh thiêng trong đời sống tinh thần của họ. Câu chuyện về sự ra đời, tính thiêng và quyền năng của tính tẩu trong nghi lễ Then cứ như vậy truyền từ thế hệ này sang thế hệ sau. Tính tẩu đã dần được mặc định về sự có mặt của nó như là một vật thiêng trong cuộc sống tín ngưỡng người Tày. Tại Tuyên Quang hiện nay, Nghệ nhân tính tẩu chuyên hát Then văn nghệ chiếm số lượng lớn so với nghệ nhân tính tẩu của Then nghi lễ. Họ chủ yếu là những người có năng khiếu âm nhạc, say mê hát Then – tính tẩu, trưởng thành trong phong trào văn nghệ quần chúng ở địa phương.

1. Đặt vấn đề

Tính tẩu – Đàn tính hay đàn Then đều là cách gọi phổ thông để chỉ về nhạc cụ đàn trong hoạt động nghi lễ tín ngưỡng của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam và người Choang ở Trung Quốc [7, tr.51]. Người Tày Tuyên Quang cũng có nhiều tên gọi khác nhau về cây đàn này, như: “*ăn tẩu*” hoặc “*ăn tính tẩu*”, “*đàn tính*”, “*đàn then*” “*tính tẩu*”... Dù là cách gọi nào thì cũng là chỉ về cây đàn của nhóm tộc người Tày cư trú đan xen với các tộc người Nùng, người Kinh, người Dao,... ở khu vực phía Bắc Việt Nam.

Hiện nay, cách gọi “*ăn tính*” hay “*ăn đàn tính*” vẫn được một số người cao tuổi sử dụng để chỉ *tính tẩu*, điển hình là người Tày ở tỉnh Tuyên Quang.[‡] “*Tàn*” hay “*Đàn*” là do “*mượn*” từ để gọi. Một số tài liệu nghiên cứu gọi là “*Ăn tính*” hoặc “*Tàn tính*”

với nghĩa đàn tính nhằm giữ nguyên chữ “*tính*” theo cách hiểu thông dụng của người Kinh cho rằng: “*tính*” là một loại đàn chứ không có nghĩa *tính* là “*đàn*” như cách hiểu của người Tày. Một số cách gọi rất phổ thông do căn cứ vào đặc thù phục vụ của *tính tẩu* trong các nghi thức làm Then nên họ gọi nó là “*đàn Then*”. Từ những cách gọi trên cho thấy: Tên gọi có thể khác nhau nhưng nó cùng được gọi dựa trên một sự vật hiện tượng cụ thể, đó là *tính tẩu*. Đặc biệt, cách gọi *tính tẩu* đã được các nhà nghiên cứu sử dụng từ những ghi chép đầu tiên. Có thể thấy tên gọi đàn tính, *tính tẩu* hay *ăn tẩu*,... đều thể hiện rất rõ tính dị bản trong âm nhạc dân gian, văn hóa dân gian. Để thuận lợi cho việc trình bày, bên cạnh tên gọi *tính tẩu* theo tiếng Tày thì chúng tôi sử dụng thêm cách gọi phổ biến hiện nay là *đàn tính*. Bởi vì, *tính tẩu* hay *đàn tính* thì chúng đều có ý nghĩa chỉ định cây đàn dùng trong nghi lễ Then và hát Then của người Tày.

[‡] PV Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuấn ngày 6 tháng 2 năm 2011, tại Tân An – Chiêm Hóa – Tuyên Quang.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đôi nét về người Tày Tuyên Quang

2.1.1. Người Tày Tuyên Quang trong mối liên hệ lịch sử với người Tày ở Việt Nam

Người Tày nằm trong cộng đồng nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, trong đó có nhóm ngôn ngữ Tày - Thái thuộc "khối Bách Việt"[8,tr.24], có "cùng nguồn gốc, gồm hai ngành: ngành phía Tây và ngành phía Đông" [8,tr.24]. Người Tày, Nùng cư trú ở khu vực thượng du Bắc bộ thuộc về phía Đông. Căn cứ vào các đặc điểm văn hóa của người Tày - Nùng thì các nhà nghiên đã phân tích và dự đoán: "Có thể vào khoảng thế kỷ thứ VI đến thế kỷ XI-XII, từ khối tộc người Tày - Thái đã có sự phân tách ra từng nhóm nhỏ riêng biệt với các tên gọi riêng và có những đặc trưng văn hóa riêng" [7,tr.16]. Theo Nguyễn Thị Yên thì người Tày ở Việt Nam có nguồn gốc từ một bộ phận tộc người có tên gọi là Man - Lão thuộc bộ phận người Choang ở khu vực Lương Quảng Trung Quốc. Năm 1085 được xem như là cái mốc phân tách khỏi Tày - Choang và dần hình thành khối Tày - Nùng ở Việt Nam, bởi vì: sau khi biên giới hai nước Trung Quốc và Việt Nam được xác định thì người Choang ở Trung Quốc và người Tày ở Việt Bắc Việt Nam được hình thành và phát triển trong những điều kiện khác nhau. Từ đó hình thành và phát triển văn hóa dưới sự chi phối của hai triều đại khác nhau [7,tr.15-17] [6]. Bên cạnh số người Tày bản địa còn có một bộ phận người Tày gốc Kinh, một bộ phận người Nùng hóa Tày, một bộ phận người Tày thuộc các nhóm cộng đồng tộc khác đến từ Trung Quốc. Có nhiều nguyên nhân trong biến cố lịch sử để họ trở thành người Tày và do quá trình sinh tồn lâu năm, qua nhiều thế hệ nên về cơ bản, văn hóa hóa của họ bị Tày hóa, lâu dần đều được xác định: Đó là người Tày.

Về vấn đề này Trần Quốc Vượng cũng cho biết: Người Tày và người Nùng có nguồn gốc là tộc người Bách Việt, sau, trong tiến trình lịch sử, họ dần dần phân hóa và trở thành hai tộc người riêng biệt, Người Tày chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Việt hơn còn người Nùng chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Hán hơn" [5,tr.207].

Nhiều nguồn tài liệu về tộc người Tày cho rằng: Người Tày nhà Mạc chạy loạn từ Cao Bằng sang

các tỉnh trong khu vực Đông Bắc Việt Nam để cư trú. Văn hóa Tày cũng từ đây được giữ gìn, phát triển và ảnh hưởng tới các tộc người khác cùng sinh sống, tạo nên một văn hóa Tày ngày càng đa sắc, phong phú. Với những người lớn tuổi như Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuần cũng cho biết về nguồn gốc người Tày Tuyên Quang do cuộc di cư từ thời nhà Mạc[§].

Tày có số dân đông thứ hai, đứng sau người Kinh (Việt). Người Tày cư trú chủ yếu tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Tuyên Quang ... Về cơ bản người Tày sinh sống chủ yếu ở ven núi, gần khe suối – ruộng, rất thuận tiện cho lao động sản xuất là vừa trồng lúa nước vừa trồng lúa trên đồi; chăn thả gia súc, gia cầm,...

2.1.2. Một số nét văn hóa của người Tày Tuyên Quang

Người Tày tại Việt Nam có khoảng 205624 người. Dân số Tuyên Quang theo thống kê đến tháng 4 năm 2019, có 784811 người, chiếm trên 26,2% tổng dân số trong toàn tỉnh [1]. Người Tày ở đây cư trú tập trung thành làng, bản, ở ven các thung lũng, triền núi thấp khu vực núi cao, lòng chảo huyện Lâm Bình, Na Hang và Chiêm Hóa - thích nghi với điều kiện sinh hoạt nông nghiệp lúa nước và chăn nuôi.

Do sinh sống ở địa hình đồi núi nên nhà ở truyền thống của người Tày Tuyên Quang trước đây là nhà sàn, đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện sống nông nghiệp miền núi. Quá trình tiếp biến văn hóa, giao thông đi lại thuận tiện, người Tày đã thích nghi với việc ở nhà sát mặt đất, nhà xây cho thuận tiện với sinh hoạt. Việc thay đổi mô hình nhà ở cũng là một nguyên nhân khiến cho sinh hoạt nghi lễ Then mất đi không gian văn hóa của các nghi lễ Then truyền thống gắn với *tính tấu*. Hiện nay, một số gia đình có điều kiện kinh tế đã xây nhà sàn, nghĩa là xây mô hình nhà truyền thống với các tiện nghi hiện đại, vừa kiên cố, vừa giữ gìn được không gian nhà sàn ba gian hai trái, sân sàn chắc chắn, an toàn cho việc sinh hoạt.

Trang phục truyền thống của người Tày được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm, đồng nhất trên trang phục nam và nữ, hầu như không có hoa

[§] Diên dã ngày 6 tháng 2 năm 2011, tại Tân An – Chiêm Hóa – Tuyên Quang.

văn trang trí. Nữ có áo cánh ngắn may cổ cao, năm thân, cài năm khuy ở cổ và sườn bên phải, quần dài, thắt lưng, khăn. Trang phục của nam giới có quần chân què, đũng rộng, cạp lá tọa, áo ngắn cũng may năm thân, cổ đứng. Nam cũng có áo dài như cái áo ngắn kéo dài vạt xuống quá đầu gối. Đồ trang sức có vòng cổ, vòng tay, vòng chân và dây xà tích bằng bạc. Ngày thường họ mặc những trang phục

phổ biến trong xã hội, xa dần với khái niệm trang phục truyền thống. Những bộ trang phục cổ truyền đó chỉ xuất hiện vào những dịp lễ Tết và khi lên sân khấu. Ngày nay sự kết hợp bộ trang phục truyền thống với hát then, *tính tẩu* vào những dịp như vậy chính là cách mà người Tày thể hiện bản sắc tộc người của họ.



Trang phục của người Tày Tuyên Quang



Thầy Then trong lễ Cấp sắc cho thầy Phù thủy xã Hòa An – huyện Chiêm Hóa



Làm Then Cốm mới của người Tày xã Tân An, huyện Chiêm Hóa

Tín ngưỡng của người Tày Tuyên Quang được thể hiện qua các phong tục truyền thống gắn với các nghi lễ như: Thờ cúng, cưới xin, sinh đẻ, ma chay,... đặc biệt là tín ngưỡng thờ thờ Mè Va vẫn được người Tày giữ gìn, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác tuy đã đơn giản hóa, thay đổi phù hợp với sự tiến bộ của thời đại. Người Tày thờ Phật Bà Quan thế âm bồ tát và thờ tổ tiên. Người Tày thờ Phật nên vị trí được đặt ở trên cao nhất gian tại chính giữa ngôi nhà. Thấp hơn một chút là bàn thờ tổ tiên với một không gian riêng và được cung kính hết mực.

Người Tày quan niệm, người chết linh hồn tiếp tục sống ở thế giới bên kia nên nghi thức tang ma chỉ làm một lần, chôn vĩnh viễn. Trong nghi lễ tang ma của người Tày không thể thiếu được việc cúng nhà táng cho người chết mang theo. Họ cho rằng, nếu khi chết mà chưa đốt nhà táng cùng khi chôn thì sang thế giới bên kia họ không được gia nhập với dòng tộc. Chính vì vậy, khi trong gia đình có người chết, gia đình phải làm thêm nhà táng để người chết mang theo. Việc làm nhà táng trước đây thường do những người hàng xóm giúp đỡ. Để hoàn thành một cái nhà táng trong thời gian ngắn đòi hỏi phải có nhiều người cùng tham gia, làm liên tục trong 2 ngày để kịp cho người chết mang theo. Ngày nay, do sự thâm nhập của nền kinh tế thị trường, việc trang bị một cái nhà táng cho người chết được bán sẵn, rất thuận tiện, nhanh chóng. Sau khi chết, quan niệm của người Tày là họ được về với tổ tiên nên hàng năm phải không tổ

chức cũng giỗ. Tuy nhiên, Tết Thanh Minh (ngày 3/3 âm lịch) hàng năm, Người Tày lại tổ chức lễ tảo mộ. Đây là một nghi thức truyền thống trong văn hóa người Tày để tưởng nhớ đến những người đã khuất. Đây cũng là ngày mà anh em trong gia đình tập trung lại để cùng tổ chức làm bánh thắp hương cho người đã mất, sau đó chia cho con cháu, họ hàng.

Các nghi thức làm bánh, lễ cúng như Tết Nguyên đán của người Việt. Các nghi thức lễ cầu cúng quan trọng còn lưu giữ là ngày tết Nguyên tiêu rằm tháng giêng. Cúng tổ tiên vào ngày rằm, mùng một, ngày tết như cúng các thần linh khác; ngày cúng chúng sinh rằm tháng bảy, ngày Tết thanh minh; ngày tết cúng lúa mới vào rằm tháng tám. Những ngày này, người Tày dù ở đâu đều nhớ và hướng về gia đình, tổ tiên tập trung làm lễ để tỏ lòng thành kính.

Hôn lễ truyền thống của người Tày cũng được tiến hành qua các nghi thức: Lễ dạm, lễ ăn hỏi, lễ sêu tết, lễ báo ngày cưới, lễ cưới, lễ đón dâu, đưa dâu..., thể hiện bản sắc văn hoá của một tộc người. Tuy nhiên, nhiều thủ tục nghi lễ đã được giảm nhẹ hoặc lược bỏ cho phù hợp với hiện tại, như: Đồ dùng cô dâu mang về nhà chồng được mua sẵn, đón dâu bằng xe máy, cô dâu mặc váy cưới nhiều tầng,... Tuy nhiên, ngày rằm tháng bảy cũng là ngày Tết con rể đưa vợ con về tạ lễ bố mẹ vợ nên ngày này cũng được người Tày coi trọng và tổ chức rất to. Những ngày này, dù ở xa họ đều hướng sắp xếp công việc để về với tổ tiên, gia đình.



*Đám cưới người Tày xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình
(Nguồn: Hoàng Giang)*

Người Tày có chữ viết riêng, bao gồm "cả hệ thống chữ viết cổ và chữ viết mới theo hệ chữ Latinh" [4,tr.9]. Chữ Nôm Tày được ghi nhận từ những bản thảo ghi chép cổ "từ thế kỷ V, với người chế tác đầu tiên là Lê Thế Khanh, một túc nho, tri thức Tày ở Cao Bằng" [4,tr.20]. Mặc dù chữ Latinh có sau nhưng chữ Nôm Tày vẫn được lưu hành trong cộng đồng. Việc lưu giữ và truyền dạy chữ Nôm Tày không có tính hệ thống. Sau những đợt *thiên di, lan tỏa*, người Tày ở mỗi địa phương lại biên soạn, chỉnh sửa nó sao cho phù hợp với tình hình địa lý, giao thoa văn hóa trong khu vực. Chính vì vậy mà chữ Nôm Tày ở mỗi vùng miền lại có những đặc điểm riêng. Hiện nay, chữ Nôm Tày được lưu truyền trong những gia đình có truyền thống dạy chữ; những người làm nghề Then, Tào, Mo do làm nghề thì học và lưu giữ, truyền đời; đặc biệt, trong công tác quản lý, ngôn ngữ Tày còn được đưa vào đào tạo tại một số cơ sở dạy học như: Văn hóa nghệ thuật, Quản lý nhà nước. Điều này cho thấy "công sức sáng tạo và ý thức giữ gìn, lưu truyền những giá trị tốt đẹp" [4,tr.9] của người Tày được trao truyền liên tục, từ thế hệ trước cho thế hệ sau. Ngày nay phần lớn người Tày dùng chữ Quốc ngữ để lưu giữ văn bản. Bên cạnh việc sử dụng chữ Nôm Tày, họ sử dụng chữ Nho trong truyền giáo vào truyền giáo và thực hành tín ngưỡng, dựa vào hệ thống chữ tượng hình làm căn cứ để suy luận ý nghĩa của các câu khấn cổ.

Người Tày rất chú trọng tới bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Đặc biệt là những người dân nơi đây giao tiếp với nhau chủ yếu bằng tiếng Tày, kể cả những người Kinh, Dao hay Cao Lan. Việc sử dụng ngôn ngữ Tày và duy trì ngôn ngữ của họ trong giao tiếp hàng ngày. Đây cũng chính là yếu tố thúc đẩy phát triển các loại hình dân ca của họ

Văn hóa nghệ thuật của người Tày Tuyên Quang đa dạng, phong phú, như: Lượn, Phong slur. Lượn gồm: Lượn cọi (ở Tuyên Quang gọi là Cọi; Hà Giang gọi là Ién), Lượn sluong, Lượn Then, Lượn nạng ới,... là lối hát giao duyên được phổ biến rộng rãi ở nhiều vùng trong đó có người Tày Tuyên Quang. Người ta thường hát Cọi trong lễ hội. Bên cạnh đó họ còn tổ chức các trò chơi dân gian: ném còn, đánh pao, đánh yến, chơi ô,... trong các buổi lễ hội. Ngày nay, trong các hoạt động văn hóa văn nghệ, phong trào của trường học, địa phương ở Tuyên Quang có Hát Then *cùng tính tẩu* là một nội

dung trong chương trình hoạt động của họ. Họ hát dịp Tết, hội, lễ, chúc thọ, khai giảng, giao lưu,... Một số nghệ nhân đi làm xa cũng mang theo tiếng hát, câu nhạc để thể hiện văn hóa truyền thống của mình.

Có thể thấy, giống như ở các địa bàn cư trú khác, văn hóa của người Tày Tuyên Quang là được hình thành trong quá trình *thiên di, lan tỏa, tiếp biến* văn hóa mà tạo nên sự đa dạng, đa sắc màu giữa các vùng cư trú khác nhau.

2.2. *Đôi nét về Tính tẩu trong đời sống văn hóa người Tày Tuyên Quang*

2.2.1. *Tính tẩu trong nghi lễ Then người Tày Tuyên Quang*

Tính tẩu từ xa xưa đã gắn bó rất chặt chẽ với các nghi lễ Then của người Tày và được coi như đó là một biểu tượng linh thiêng trong đời sống tinh thần của họ. *Sự tích cây tính tẩu* kể rằng chàng Xiên Cân sau giấc mơ đã chế tác ra cây đàn 12 dây, tiếng đàn làm đắm say làm cho con người quên ăn, quên ngủ, quên làm,... dân chúng đói khát, lầm than dẫn đến việc cầu cứu. Pụt Luông thấy vậy sai người xuống hạ giới cắt dây đàn đi. Xiên Cân cầu xin giữ lại 3 dây đàn để bầu bạn và hứa sẽ làm việc thiện giúp bà con để chuộc tội. Pụt Luông đồng ý và yêu cầu Xiên Cân phải hứa dùng đàn vào những việc có ích phục vụ cho nhân gian. “Đồng ý” được hiểu như là được Pụt Luông ban lệnh sắc phong làm quan nhà trời. Có thể hiểu lễ “Cấp sắc” đối với thầy Then là nghi thức được nhà trời công nhận là Quan nhà trời. Thầy Then cùng tiếng *tính tẩu* là sợi dây kết nối giữa nhân gian với thần linh, thượng giới, dùng tiếng đàn giúp dân tẩu lên trời cho Pụt Luông thấu tỏ. *Tính tẩu* từ có mặt cùng các nghi lễ Then cầu mùa màng, cầu bình yên, cầu sống lâu – nói số, cầu xin sinh con, cầu con ngoan con khỏe, lễ hội, mùa màng... Người làm Then, khi ở mừng Đất phải được cấp sắc vừa để hành nghề, vừa đảm bảo việc khi chết, lên mừng Trời mới được công nhận là quan nhà trời.

Câu chuyện về sự ra đời, tính thiêng và quyền năng của *tính tẩu* trong nghi lễ Then cứ như vậy truyền từ thế hệ này sang thế hệ sau. *Tính tẩu* đã dần được mặc định về sự có mặt của nó như là một vật thiêng trong cuộc sống tín ngưỡng người Tày. Vì vậy, trong quan niệm của thầy Then, *tính tẩu* là vật kết nối với thế giới tâm linh, biểu tượng cho thế giới quan, nhân sinh quan của thầy Then, thầy Then

dùng lời hát và âm nhạc của *tính tẩu* để điều binh khiển tướng dâng lễ vật lên mừng Trời.

Để có thể làm được cho các nghi lễ Then đòi hỏi đầu tiên phải là người có *căn Then*, được *tổ tiên* lựa chọn làm nghề Then mới có cơ hội học đàn và đánh đàn. Các kỹ thuật chơi đàn, gảy đàn, múa đàn phải đạt yêu cầu mới được cấp sắc, làm thầy. Những người làm thầy là những người được dòng Tổ Then công nhận và được minh chứng bằng các lễ cấp sắc qua các cấp bậc. Cấp bậc là thể hiện trình độ, quyền năng của người làm thầy. Cấp càng cao càng thể hiện là người có quyền năng tiếp xúc với thế giới khác ngoài thế giới thực tại mà con người đang sống. Liên quan đến sự linh thiêng của *tính tẩu* họ có những quy định khá nghiêm ngặt.

Đầu cần đàn là tượng trưng cho những vị thần có uy quyền ở trên Trời nên càng chế tác cầu kỳ bao nhiêu càng thể hiện quyền uy của người làm Then bấy nhiêu. Chính vì vậy họ rất coi trọng bộ phận này. Khi chế tác đàn họ thường lưu ý đến vị thế cũng như cung mệnh của người sử dụng nên đầu *cần đàn* thường là những hình hoa sen, song mã, con phượng, đầu rồng, mũ Phật... Nhưng phần lớn là hình đầu rồng. Thân đàn tuy nhỏ nhưng lại chứa đựng sự thay đổi, biến hóa khôn lường của giai điệu, âm sắc, nhịp điệu... của cây đàn.

Quan niệm của thầy Then về sự linh thiêng của *tính tẩu* cho thấy được giá trị, cấp bậc, sự tôn nghiêm của thầy Then đối với nghề khi sử dụng cây đàn dẫn âm binh đến Tam giới. Người Tày cho rằng: Tiếng đàn "là linh hồn của thầy Then, là lời cần báo của thầy Then tới các cửa thần thành ở các mừng khi thầy dẫn quân âm binh âm tướng đa, lễ vật đi dâng hiến" [3,tr,73]. Căn cứ vào cấp bậc, hay dòng Then mà họ có những yêu cầu về chế tác đầu đàn khác nhau để thể hiện quyền uy của họ trong xã hội. Với nghề nhân, đó vừa là quy định về hình tượng nhưng là cơ hội họ được thỏa trí sáng tạo và thỏa mãn mong muốn thể hiện bản thân thông qua cây đàn.

2.2.2. *Tính tẩu* trong đời sống văn nghệ người Tày Tuyên Quang

"Then văn nghệ" là những bài hát mới dựa trên làn điệu của các bài Then cổ được sáng tác từ tự phát đến chuyên nghiệp; biểu diễn trên sân khấu cùng các loại hình nghệ thuật khác để phục vụ nhu

cầu biểu diễn và thưởng thức nghệ thuật của người Tày dưới nhiều hình thức khác nhau. Đi kèm với "Hát Then" là cây *tính tẩu* - nhạc cụ đệm cho lời hát. Vì vậy nói đến "Then văn nghệ" là nói đến nghệ thuật trình diễn hát Then – *tính tẩu* được khai thác chất liệu từ nghệ thuật diễn xướng trong Then nghi lễ. Từ đó hát "Then văn nghệ" cùng *tính tẩu* có mặt khắp nơi để phục vụ nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của người Tày và nhân dân dưới nhiều hình thức biểu diễn.

Để thỏa mãn nhu cầu giải trí, người dân đã sáng tác những lời hát mới để hát cho nhau nghe. Từ những lời Then, điệu nhạc chứa đựng yếu tố tín ngưỡng, một số người vì yêu thích câu hát, điệu nhạc mà đã tự sáng tác những câu hát mới, thích hợp với điều kiện văn hóa xã hội hiện tại. Từ đó, những lời Then mộc mạc, mang hơi thở cuộc sống dần len lỏi có mặt trong đời sống của người dân. Hàng đêm, quanh bếp lửa, âm nhạc *tính tẩu* lại vang lên cùng những lời hát Then mới. Dần dần những lời hát mới lan rộng khắp trong đời sống của họ. *Tính tẩu* cứ thế có mặt ở khắp các ngôi nhà sàn đến các sân khấu biểu diễn.

Đại hội đại biểu lần thứ VI (năm 1986) đánh dấu sự đổi mới về văn hóa của Đảng. Tại Đại hội này, bản *phương hướng, nhiệm vụ* cũng đã đề cập rất rõ ràng về hoạt động văn hoá, văn nghệ. Đó là: "Công tác văn hoá, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hoá, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi"[2], đó là: sự đổi mới tư duy, coi văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực của sự phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Ban chấp hành Trung ương Đảng đề cập đến vấn đề "Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật" và "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" năm 1998 thì hoạt động truyền dạy *tính tẩu* và hát Then ở Việt Bắc nói chung và ở Tuyên Quang nói riêng mới thực sự đi vào cuộc sống của người dân.

Có thể thấy, trong Then văn nghệ, *tính tẩu* vừa đệm cho lời Then, vừa dẫn ứng dụng vào các hình

thức trình diễn, như: Là nhạc cụ độc tấu, hòa tấu, hòa tấu với các nhạc cụ khác. Điều này cho thấy, bản thân *tính tấu* ngoài không gian trình diễn nghi lễ còn được dùng linh hoạt trong sinh hoạt văn hóa đời thường.

Từ năm 2002, các nội dung liên quan đến bảo tồn văn hóa các dân tộc nói chung được Lãnh đạo tỉnh và Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch hết sức quan tâm. Các hoạt động bảo vệ *tính tấu cùng hát Then* của người Tày được đẩy mạnh, từ việc phát động các phong trào ca hát, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đến *Liên hoan hát then – đàn tính toàn quốc*. Hoạt động này đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của đông đảo của người dân. Những người có đóng góp tích cực cho Hát Then và cũng được gọi là *Nghệ nhân*, trong đó có cả các nghệ

nhân Then nghi lễ. Từ các trích đoạn Then nghi lễ cùng với *tính tấu* của các thầy Then ở các địa phương dần được thoát khỏi không gian diễn xướng diễn xướng nhà sàn và đưa lên sân khấu, trong đó có sự tham gia đóng góp của các thầy Then, từ đó giúp cho nhiều người hiểu biết thêm về yếu tố tín ngưỡng trong nghi lễ Then người Tày.

Người có đóng góp tích cực cho phong trào đưa *tính tấu* ra cộng đồng ở giai đoạn này là của cố Nghệ nhân dân gian Hà Phan và em trai là Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuấn. Đặc biệt là Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuấn, người đã bỏ nhiều công sức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn các bài Then cổ để truyền dạy. Bên cạnh đó ông còn sáng tác nhiều bài Then mới gắn liền với các phong trào lao động sản xuất cũng như ca ngợi Bác Hồ, quê hương, đất nước.



Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuấn truyền dạy hát then

Từ truyền dạy tự nguyện tại địa phương, dần dần đã lan rộng khắp các xã trên địa bàn huyện Chiêm Hóa. Dần dần đã có nhiều người nghe, yêu thích và theo học. Hiện nay ở Tuyên Quang nghệ nhân biết hát Then và sử dụng *tính tấu* rất đa dạng thành phần và độ tuổi, nghề nghiệp: Người già, người trẻ, người lao động, người trí thức, lao động tự do, người đã nghỉ chế độ, nghệ nhân kiêm thầy Then,... Tuy nhiên về cơ bản thì gồm hai nhóm: Nghệ nhân *tính tấu* chuyên hát Then văn nghệ và nghệ nhân *tính tấu* Then văn nghệ kiêm thầy Then.

Nghệ nhân *tính tấu* chuyên hát Then văn nghệ ở Tuyên Quang hiện nay chiếm số lượng lớn so với nghệ nhân *tính tấu* của Then nghi lễ. Họ chủ yếu là những người có năng khiếu âm nhạc, say mê hát Then – *tính tấu*, trưởng thành trong phong trào văn nghệ quần chúng ở địa phương. Phần đông nghệ nhân tham gia đều biết sử dụng đàn và hát. Tuy nhiên cũng còn một số ít nghệ nhân vì yêu nghệ thuật hát Then mà tham

gia, mặc dù chỉ thích hát hoặc không có khả năng hát, chỉ đến để chơi đàn, đệm đàn cho người hát. Có thể điểm qua các nghệ nhân văn nghệ như: Thảm Ngọc Kiến, Tạ Văn Thư, Chu Văn Thạch, Hà Đức Khám, Lý Thị Ngoan, Hoàng Ngọc Huyền, Hoàng Văn Thuận, Đàm Thị Hiền, Đinh Thị Minh An, Nông Quốc Vạn, Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thị Cảnh, Hoàng Văn Sơn, Ma Văn Chủ, Bùi Thị Thu Hồng, Dương Văn Quyền, Ma Đức Hiền, Phúc Thị Xuyên, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Chung, Ma Thị Lan,... Họ là những hạt nhân phong trào hát Then cùng *tính tấu* tại địa phương, cơ sở, trường học.

Hát Then lan rộng tác động không nhỏ tới nhu cầu sử dụng *tính tấu*. Việc chế tác đàn từ thủ công, phụ thuộc vào tài hoa của người nghệ nhân, hạn chế đàn phục vụ nhu cầu sử dụng đàn. Có người đam mê công việc chế tác đàn mà đã dành nhiều tâm huyết cho việc sưu tầm nguyên liệu để làm ra

những cây đàn phục vụ các thầy Then. Từ những cây đàn thô sơ, thậm chí người làm đàn dần định hình rõ ràng về chất lượng âm thanh của bầu đàn, yêu cầu về độ dài của cần đàn, dây đàn, màu sắc cây đàn,... Tuy nhiên, với cách thức thủ công thì đàn làm ra cũng chỉ đủ đáp ứng nhu cầu của các thầy Then sống trong khu vực. Đặc biệt là hiệu quả kinh tế đem lại cũng không cao làm đàn mất quá nhiều công sức và đối tượng phục vụ không có nhiều.

Ngày nay, có sự hỗ trợ của máy móc, đồ dùng đa dạng, đàn làm ra được nhiều hơn để phục vụ đông đảo người dân. Quy trình chế tác *tính tẩu* thuận tiện, nhanh chóng, đẹp mắt, chất lượng hơn rất nhiều. Từ dao gọt, máy gọt, máy cắt, máy bào, bào, máy ép, mẫu mã, nguyên liệu dán,... đều sản xuất có quy trình. Việc trồng và hãm cho những quả bầu vừa già, vừa tròn đẹp, đều nhau và có được nhiều bầu cùng một thời gian làm nguyên liệu làm đàn. Việc bỏ ruột và làm khô quả bầu cũng được đồng loạt. Để có được màu đẹp, các nghệ nhân dùng Véc-ni để đánh bóng bầu đàn, thân đàn, trục đàn, ngựa đàn. Việc làm cho trục đàn thẳng, các thân cây được dùng máy để ép nên đảm bảo thân đàn thẳng, theo ý muốn và không mất quá nhiều thời gian, có thể ép một loạt nhiều thân đàn có cùng nguyên liệu, hình dáng, kích cỡ. Trong số các nghệ nhân mở xưởng làm đàn có Nghệ nhân Nhân dân Hà Thuận là cơ sở đầu tiên chế tác đàn phục vụ nhân dân. Ông là người đầu tiên làm ra cây đàn từ các nguyên liệu sẵn có xung quanh nơi ở, không cầu kỳ. Lúc đầu các công đoạn đều là chế tác thủ công, sau ông cũng có những đồ cắt, xén hỗ trợ nhưng chủ yếu vẫn là gọt, giũa thủ công.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có các cơ sở làm *tính tẩu* của các nghệ nhân như: Nghệ nhân Thâm Ngọc Kiến (Thành phố Tuyên Quang), Nghệ nhân Chu Văn Thạch (Chiêm Hóa), Nghệ nhân Tạ Văn Thư (Chiêm Hóa), Nghệ nhân Hà Đức Khám (Chiêm Hóa), Hoàng Văn Thuận (Na Hang). Những cơ sở chế tác đàn này không những làm ra những cây đàn chất lượng phục vụ nhân dân Tuyên Quang mà còn đáp ứng được yêu cầu trong đào tạo ở các cơ sở đào tạo và biểu diễn trên sân khấu chuyên nghiệp

Cấu tạo của *tính tẩu* trong Then nghi lễ hay Then văn nghệ không có gì khác biệt. Vì mục đích sử dụng không giống nhau nên khi chế tác *tính tẩu* phục vụ cho Then văn nghệ, việc lựa chọn nguyên liệu không cầu kỳ như Then nghi lễ. Việc *tính tẩu* là nhạc cụ phổ thông nên nguyên liệu làm đàn cũng thường đơn giản, như: cần đàn bằng thân cây gỗ nghiêng xẻ, mặt đàn bằng gỗ ép, ngựa đàn cũng có

khi là miếng nhựa nhỏ, các loại keo gắn thay thế cho sơn để dính các bộ phận lại với nhau,... Đặc biệt là đầu đàn thường trang trí đơn giản như hình hoa chuối, cò cây hoa lá chứ không chú ý các biểu tượng tín ngưỡng liên quan đến Then nghi lễ. Chính vì vậy mà sản xuất *tính tẩu* thường đại trà, giá rẻ, đáp ứng nhu cầu mua đàn cho mỗi cá nhân đến học.

Ngoài việc chế tác ra những cây đàn 2 dây và 3 dây, Nghệ nhân Thâm Ngọc Kiến và Nghệ nhân Chu Văn Thạch đã nghiên cứu làm được cây *tính tẩu* 12 dây để khẳng định truyền thuyết *tính tẩu* có 12 dây là thật. *Tính tẩu* 12 dây làm rất khó, đặc biệt là việc luồn đưa 12 dây qua một lỗ âm rồi mới bắt vào ngựa đàn để lên dây, đảm bảo độ cao thấp, quy luật lên dây đàn của *tính tẩu* theo quãng 4, quãng 5. Gần đây nhất, Nghệ nhân Chu Văn Thạch cũng đã chế tác ra cây đàn 6 dây. Anh cho biết: “Làm đàn bên cạnh việc mưu sinh còn là đam mê và thỏa mãn trí tưởng tượng, sự sáng tạo của bản thân”^{**}.

Sau khi Then văn nghệ lan rộng khắp trong đời sống người Tày thì việc sử dụng *tính tẩu* đệm cho hát cũng phát triển; các kỹ thuật đàn cũng được những nghệ nhân Then mới chú trọng. Từ nhu cầu nâng cao chất lượng biểu diễn thì bên cạnh lời Then mượt mà, người đệm đàn chú trọng hơn tới kỹ thuật cho âm thanh chau chuốt hơn; việc dạy đàn cũng được các nghệ nhân chú ý tới cách thức truyền dạy, có bài bản, thống nhất từ cách gảy thể hiện phách mạnh hoặc phách nhẹ của phách để tạo sắc thái, cường độ trong khi trình bày.

Do có nhiều người biết sử dụng đàn nên cũng có nhiều người tham gia trình tấu, dần dần đã có nghệ nhân sáng tác tác phẩm riêng cho *tính tẩu* độc tấu và hòa tấu. *Tính tẩu* 12 có âm vực rộng nên chỉ dùng để trình diễn độc tấu hoặc làm phần đệm cho hát Then hoặc hòa tấu. Biến đổi Then đã dần làm cho diễn tấu *tính tẩu* thay đổi.

Then Tày cùng *tính tẩu* trong nghi lễ truyền thống người Tày là phương thức cổ kết cộng đồng trong địa bàn họ sinh sống. Ngày nay, Then văn nghệ nó được thực hiện ở nhiều loại hình sân khấu khác nhau, tuy không kêu gọi sự gắn kết nhưng âm nhạc Then dù ở đâu cũng có sức hút mãnh liệt với người Tày. Họ tìm đến với nhau để chia sẻ và cộng cảm qua câu hát “ơi la” và điệu *tính tẩu*. Từ hình ảnh *tính tẩu* mà người dân ở khắp mọi miền đất nước và nay là ra cả thế giới đều nhận biết được sự tồn tại của người Tày qua *tính tẩu*. Đó chính là một thành công sau quá trình “văn nghệ hóa” và “cải tiến văn hóa” Then Tày nói chung và Then Tày ở Tuyên Quang nói riêng.

^{**} PV ngày 11 tháng 2 năm 2019 tại Thị trấn Vĩnh lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

Bên cạnh đó, *tính tẩu* người Tày Tuyên Quang còn gắn liền với các hình ảnh quảng bá cho các điểm tham quan du lịch ở Tuyên Quang, như: du lịch văn hóa huyện Lâm Bình và Na Hang với hình ảnh lòng hồ thủy điện Na Hang và những chàng trai, cô gái Tày cùng đàn và hát; Du lịch Thác Bản Ba (xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa) với hình ảnh các chàng trai, cô gái ngồi bên các ghềnh đá, bên thác cùng đàn và hát,...; Đặc biệt ở khu du lịch Tân Trào, hình ảnh các chàng trai chèo thuyền mảng, các cô gái Tày vừa đàn vừa hát trên hồ *Khuôn Pén* (xã Tân Trào, huyện Sơn Dương) là những hình ảnh thu hút được sự quan tâm của rất nhiều người trong và ngoài nước đến với du lịch Tuyên Quang.

Tính tẩu của người Tày vừa là hình ảnh quảng bá, vừa là một nội dung thu hút du lịch thông qua chương trình văn nghệ cộng đồng tại điểm du lịch của mỗi địa phương. Các chương trình văn nghệ địa phương tuy có sự đa dạng về các nội dung nhưng điểm nổi trội hơn cả vẫn là pano hình ảnh cô gái Tày với *tính tẩu* như là hình ảnh đại diện cho văn hóa người Tày Tuyên Quang. *Tính tẩu* dần trở thành một phương tiện sinh kế cho bà con nơi đây.

Có thể thấy, *tính tẩu* đã tách ra khỏi nghi lễ tín ngưỡng và được các nghệ nhân trình diễn qua các không gian khác nhau. Từ là nhạc cụ đệm trong nghi lễ Then, *tính tẩu* đã được biết đến như một nhạc cụ phổ biến đệm cho Then mới. Đặc biệt, nhờ có công nghệ 4.0 mà *tính tẩu* đã dần có mặt ở khắp mọi nơi và được xã hội nhìn nhận là một đại diện tiêu biểu trong văn hóa người Tày.

3. Kết luận

Người Tày có mặt cùng với sự phát triển của lịch sử Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước. Ngày nay, người Tày cư trú không chỉ rộng khắp khu vực Đông Bắc tổ quốc mà còn phát triển dân số và văn hóa ở khu vực phía Nam Việt Nam. Việc *thiên di* và *lan tỏa* văn hóa đã làm cho văn hóa người Tày càng ngày càng đa dạng về màu sắc nhưng không đánh mất đi sắc thái đặc trưng của dân tộc mình, đó là: Ngôn ngữ, nhà ở, chữ viết, trang phục, ca hát,... đặc biệt là tín ngưỡng của mình. Tín ngưỡng của người Tày thường được nhắc đến cùng nghi lễ Then, trong đó *tính tẩu* với vai trò là một nhạc cụ không thể thiếu khi thực hành tín ngưỡng và trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật đời thường của họ.

Tính tẩu cùng phong trào Then văn nghệ ở Tuyên Quang hiện nay rất chủ động, tích cực và

sáng tạo. Điều này được khẳng định bằng tinh thần yêu thích nghệ thuật Hát Then và *tính tẩu* của cộng đồng người Tày. Từ phong trào giữ gìn, bảo tồn, trao truyền phục vụ cộng đồng thì *tính tẩu* và các bài Then văn nghệ đã trở thành một phương tiện sinh kế cho cộng đồng. Điều này hoàn toàn sáng tạo tự nhiên, tự nguyện khi du lịch văn hóa địa phương phát triển. Đây là một hướng phát triển hoàn toàn đúng đắn về du lịch, đồng thời vừa đảm bảo được môi trường giữ gìn, sáng tạo văn hóa truyền thống của người Tày nơi đây.

Hiện nay, công tác quản lý văn hóa đã và đang khắc phục những hạn chế cũ; xã hội phát triển, chịu tác động mạnh của kinh tế thị trường và những đổi mới trong “chiến lược phát triển” con người nông thôn miền núi,... mà các nghi lễ tín ngưỡng được hồi sinh, tạo nên một diện mạo văn hóa mới trong cuộc sống của người dân, đặc biệt là các cộng đồng sinh sống ở khu vực miền núi, trong đó có tộc người Tày Tuyên Quang. Từ việc nhận thức tiến bộ đã hướng các tộc người sinh sống trên địa bàn tỉnh cùng tham gia vào hoạt động văn hóa cộng đồng, nhằm hướng tới một mục đích chung là: Duy trì, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống. Người Tày sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng đang tích cực tham gia cùng các hoạt động đó để bảo tồn những giá trị văn hóa của mình và phát triển văn hóa nơi đây./.

REFERENCES

- [1] Department of Statistics of Tuyen Quang province (2019). *Report on population data to 2019 of the Statistical Office of Tuyen Quang province*, Tuyen Quang
- [2] *Communist Party of Vietnam Documents of Congress Party VI, VII, VIII, IX, X, XI*. Communist Party
- [3] National Academy of Music - Institute of Music and Music (2018). *Sing Then of the Tay, Nung, Thai Vietnam - Book 1*. National Culture Publishing House, Hanoi;
- [4] Mai, H.P. (2019). *Surveying the text of Nôm Tay poems (currently stored at the Han-Nom Research Institute)*, Science Publishing House, Hanoi;
- [5] Vuong, T.Q. (2002), *History of Vietnamese Culture*, National University, Hanoi;
- [6] Yen, N.T. (2004), *Some forms of folk beliefs of the Tay, Nung Vietnamese and Chinese Choang*, *Journal of Ethnology*, (4), pp.12-23;
- [7] Yen, N.T. (2006), *Then Tay*, Social Science Publishing House, Hanoi;
- [8] Yen, N.T. (2009), *Tay - Nung folk beliefs*, Social Science Publishing House, Hanoi;